

VĂN PHÒNG PHÚC THẨM THUẾ
TIỂU BANG CALIFORNIA

Về Kháng Cáo của:) Mã Số An Kiện thuộc OTA 21078259
T. LE) ID An Kiện thuộc CDTFA 1-708-631
)
)
)
)
)

Ý KIẾN

Đại Diện cho Các Bên:

Bên Kháng Cáo: T. Le
Th. Le, Vợ/Chồng của Bên Kháng Cáo

Bên Bị Đơn: Randy Suazo – Đại Diện Tham Gia Phiên Điều Trần
Christopher Brooks – Cố Vấn Thuế IV
Jason Parker – Trưởng Phòng Điều Hành tại Trụ Sở

Chính

Văn Phòng Phúc Thẩm Thuế: Deborah Cumins – Chuyên Viên Thuế Doanh Nghiệp III

A. WONG – Thẩm Phán Luật Hành Chính: Căn cứ theo mục 6561 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ (Revenue and Taxation Code, R&TC), T. Le (bên kháng cáo) kháng cáo về việc bên bị đơn, tức Cục Quản Lý Thuế và Phí California (California Department of Tax and Fee Administration, CDTFA) đã quyết định từ chối đơn kiến nghị xác định lại Thông Báo Quyết Định (Notice of Determination, NOD) lập ngày 30 tháng 6 năm 2020.¹ NOD thông báo về khoản thuế \$18,121 cùng với tiền lãi áp dụng cho khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 10 năm 2016 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019 (kỳ kiểm toán).²

¹ Trước đây, Hội Đồng Quân Bình (Board of Equalization, BOE) Tiểu Bang là cơ quan phụ trách quản lý thuế tiêu thụ và thuế sử dụng. Ngày 1 tháng 7 năm 2017, các chức năng/nhiệm vụ của BOE có liên quan đến án kiện này đã được chuyển giao sang CDTFA. (Mục 15570.22 Bộ Luật Chính Quyền.) Để dễ dàng tham chiếu, khi văn bản Ý Kiến này đề cập đến một hành động hoặc sự kiện xảy ra trước ngày 1 tháng 7 năm 2017, “CDTFA” sẽ ám chỉ BOE.

² CDTFA kịp thời ban hành NOD vì bên kháng cáo đã từ bỏ pháp quy về thời hiệu áp dụng khác và chấp thuận gia hạn cho thời hạn ban hành NOD đến ngày 31 tháng 10 năm 2020. (Tham khảo điểm/mục 6487(a), 6488 R&TC.)

Các Thẩm Phán Luật Hành Chính của Văn Phòng Phúc Thẩm Thuế (Office of Tax Appeals, OTA) gồm Andrew Wong, Keith T. Long và Andrew J. Kwee đã tổ chức một phiên điều trần tranh luận trực tiếp tại Cerritos, California vào ngày 15 tháng 2 năm 2023. Kết thúc phiên điều trần, hồ sơ vẫn mở để tiếp nhận thêm các tài liệu đệ trình từ các bên. Sau khi tiếp nhận tài liệu đệ trình từ các bên, hồ sơ đã đóng vào ngày 18 tháng 4 năm 2023 và vụ việc này được đệ trình để xin ý kiến.³

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Kiểm tra tính xác đáng của việc tiến hành điều chỉnh đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ.
2. Kiểm tra tính xác đáng của việc tiến hành điều chỉnh đối với doanh số chịu thuế chưa báo cáo.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THỰC TẾ

1. Bên kháng cáo là một doanh nghiệp tư nhân, điều hành một cơ sở kinh doanh ở Anaheim, California từ ngày 2 tháng 1 năm 2015 đến hết ngày 26 tháng 8 năm 2019. Vào đầu kỳ kiểm toán, bên kháng cáo đã hoạt động kinh doanh với tên gọi “OC Poultry & Rotisserie Market”. Ngày 1 tháng 1 năm 2017, bên kháng cáo đã đổi tên cơ sở kinh doanh thành “OC Tasty Chicken & Bánh Mì”.⁴
2. Tháng 1 năm 2017, bên kháng cáo đã sửa đổi bảng thực đơn in trên giấy của mình; ảnh chụp thực đơn này đã được đưa vào hồ sơ chứng cứ để trình lên OTA.⁵ Bảng thực đơn in trên giấy này có sáu mặt.
3. Mặt đầu tiên của bảng thực đơn in trên giấy liệt kê tên cơ sở kinh doanh, thông tin liên hệ và giờ mở cửa. Mặt này cũng mô tả cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo là “(Vietnamese

³ Phiên bản tiếng Anh của văn bản Ý Kiến này sẽ là phiên bản Ý Kiến chính thức. OTA hoặc các bên không có nghĩa vụ bắt buộc phải tuân thủ bất kỳ điểm khác biệt nào trong bản dịch này. Các điểm khác biệt, nếu có, sẽ không có hiệu lực pháp lý. Bản dịch được cung cấp chỉ mang tính tham khảo. Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến thông tin trong bản dịch, hãy tham khảo phiên bản Ý Kiến chính thức để nắm rõ nội dung. Xin lưu ý rằng phiên bản chính thức của văn bản Ý Kiến được đăng tải công khai trên trang web của OTA có thể được cập nhật trong tương lai để bổ sung các nội dung sửa đổi (sai sót) không đáng kể. Tuy nhiên, bản dịch sẽ không được cập nhật để sửa đổi sai sót.

⁴ Theo bên kháng cáo, bánh mì là một loại bánh mì kẹp theo kiểu Việt Nam.

⁵ Hồ sơ không ghi nhận phiên bản trước đây của bảng thực đơn in trên giấy của bên kháng cáo.

Deli & Food to Go [trích nguyên văn])” (Món Ngon và Đồ Ăn Việt Nam Mang Đi) và có hình minh họa một chú gà trống cách điệu đeo nơ con bướm và cầm bánh mì dài. Phía dưới chú gà trống là thông điệp của thương hiệu “Come Hungry & Leave Happy” (Đói Bụng Khi Đến, Ám Lòng Khi Đi).

4. Từ mặt thứ hai đến mặt thứ năm, bảng thực đơn in trên giấy bao gồm các danh mục đồ ăn/thức uống sau: “Vietnamese Bánh Mì” (Bánh Mì Việt Nam) (liệt kê 14 loại bánh mì, trong đó có các loại nhân kẹp như gà quay, trứng rán, rau củ kèm phô mai);⁶ “Entrees” (Món Chính) (liệt kê tám món, trong đó có cơm đĩa, mì, cà ri gà, salad, v.v.); “Full Course Meals” (Bữa Đủ Món) (liệt kê bốn món, trong đó có gà quay, bò xào sả ớt, lợn nướng); “Side Orders” (Món Phụ) (liệt kê bảy món, trong đó có nem, trứng cuộn, salad rau xanh); “From the Roaster” (Chế Biến Sẵn) (liệt kê bảy món, trong đó có nhiều loại thịt hoặc thịt gia cầm nấu chín được bán theo pound hoặc từng phần riêng); và “Beverages” (Đồ Uống) (bao gồm nhiều loại cà phê Việt Nam; sữa chua đánh đá và sinh tố/sinh tố đá xay; và các loại trà nóng, trà lạnh, trà hương vị hoa quả và trà sữa).
5. Mặt thứ sáu và cũng là mặt cuối cùng của bảng thực đơn in trên giấy dành ra hai phần ba phía trên để mô tả “Catering & Party Trays” (Mâm Cỗ/Tiệc Đủ Đầy), trong đó có bánh mì bày đĩa, nồi cà ri gà hoặc nồi thịt bò kho và mâm gà quay. Mặt này dành riêng ra một phần ba phía dưới cho “Fresh Poultry From The Farm” (Thịt Gia Cầm Tươi Ngon Từ Trang Trại) và liệt kê năm mặt hàng kinh doanh sau: gà mái nâu/gà trống non bán theo giá cả con; gà mái trắng bán theo pound; chân gà bán theo pound; vịt bán theo giá cả con; và trứng gà.
6. Phía trong cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo treo các tấm bảng giấy bồi có tên, ảnh và giá một số mặt hàng thực phẩm lấy từ những danh mục trong bảng thực đơn in trên giấy (cụ thể là “Vietnamese Bánh Mì”, “Entrees” và “Full Course Meals”). Các tấm bảng giấy bồi tương tự được treo bên trong cửa sổ của cơ sở kinh doanh, nằm bên cạnh lối ra vào và hướng ra ngoài. Hình ảnh các loại đồ uống cũng được treo bên trong và ở cửa sổ mặt tiền của cơ sở kinh doanh.
7. Phía ngoài cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo là một biển hiệu lớn có tên của cơ sở kinh doanh “OC Tasty Chicken & Bánh Mì” và hình chú gà cách điệu. Phía dưới biển hiệu này ghi hàng chữ: “VIETNAMESE SANDWICHES * FOOD TO GO * COFFEE &

⁶ Ngoài ra còn có một loại bánh mì kẹp mang tên “Veggie’s Delight” (Rau Củ Đủ Vị).

BOBA DRINKS” (BÁNH MÌ VIỆT NAM * ĐỒ ĂN MANG ĐI * CÀ PHÊ VÀ TRÀ SỮA TRÂN CHÂU).

8. Phía trong cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo có bốn chiếc bàn ăn và ghế ngồi.
9. Bốn kệ xếp đồ ăn nhẹ dựa vào một bức tường; trên kệ có bánh quy, bim bim và kẹo cũng như các sản phẩm thực phẩm không thể dùng tại chỗ (ví dụ như mì gói/mì ăn liền, xốt tằm ướp và nước xốt đóng chai cùng với túi/hộp đường). Một số đồ gia dụng (tức là chất tẩy vết bẩn trên quần áo, bình xịt làm thơm phòng và sản phẩm xà bông rửa tay đóng chai) chiếm một nửa kệ. Trên những kệ này treo một băng quảng cáo liệt kê các mặt hàng trong thực đơn đồ uống cũng như bốn bức ảnh lớn minh họa những quả trứng màu nâu và thịt gia cầm nguyên con chưa nấu chín.
10. Cơ sở kinh doanh cũng có hai tủ mát bày hàng chủ yếu xếp đồ uống (các loại đồ uống có ga dạng chai và lon, trà, nước tăng lực và nước lọc) và vài quả trứng sống; một tủ mát bày hàng xếp cà phê đá, trà và dừa tươi cùng với một tủ giữ nóng bày bán bánh ngàn lớp.
11. Trong kỳ kiểm toán, bên kháng cáo đã báo cáo tổng doanh số là \$413,378 (bao gồm cả lần bán đồ đặc cố định và trang thiết bị cuối cùng với giá \$8,750 trong quý ba năm 2019 (3Q19)), doanh số từ sản phẩm thực phẩm được miễn thuế đã kê khai là \$236,494 và doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$176,884.
12. Đối với đợt kiểm toán bắt đầu vào tháng 9 năm 2019, bên kháng cáo đã cung cấp tờ khai thuế lợi tức liên bang (Federal Income Tax Return, FITR) năm 2016, 2017 và 2018; sao kê ngân hàng năm 2016, 2017, 2018 và 2019; bảng tính Excel tổng kết tổng doanh số hàng ngày; và biên lai nhà cung cấp năm 2017 và 2018. Trong quá trình kiểm toán, bên kháng cáo không cung cấp giấy tờ gốc chứng minh doanh số với lý do rằng gần đây, ông đã bỏ đi nhiều hộp đựng biên lai bán hàng hàng ngày có từ năm 2014. Trong quá trình kiểm toán, bên kháng cáo cũng nêu rằng ông không thể in lại những biên lai đó hoặc cung cấp báo cáo theo đợt về doanh số của mình vì cơ sở kinh doanh không có hệ thống điểm bán hàng (Point-of-Sale, POS).⁷
13. Vì bên kháng cáo không cung cấp bất kỳ hóa đơn bán hàng POS hoặc báo cáo theo đợt nào, CDTFA không thể xác minh doanh số chịu thuế và không chịu thuế theo báo cáo của

⁷ Trong thư gửi cho bên kháng cáo vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, CDTFA đã nêu rằng bên kháng cáo có sử dụng hệ thống POS thương hiệu Clover tại đề mục “Reporting Method” (Phương Pháp Báo Cáo). Hồ sơ không nêu rõ cách thức hoặc lý do để CDTFA kết luận rằng bên kháng cáo có sử dụng hệ thống POS. Bất kể thực tế là gì, vấn đề này không liên quan đến phân tích của OTA và OTA sẽ không đi sâu giải quyết vấn đề cơ sở kinh doanh có hệ thống POS hay không.

bên kháng cáo hoặc doanh số hàng ngày được ghi lại trong bảng tính Excel của bên kháng cáo. Bên cạnh đó, vì bên kháng cáo đã đóng cửa cơ sở kinh doanh trước khi CDTFA bắt đầu kiểm toán vào tháng 9 năm 2019, CDTFA không có cơ hội đến thanh tra và kiểm tra cơ sở kinh doanh khi nơi này vẫn còn hoạt động.

14. Thay vào đó, CDTFA đã tìm thông tin cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo trên một công cụ tìm kiếm trực tuyến (Google) và một trang web đánh giá cơ sở kinh doanh (Yelp.com), qua đó tìm thấy cả bài đánh giá và hơn 500 ảnh chụp về khung cảnh bên trong, bên ngoài và bảng thực đơn in trên giấy của cơ sở kinh doanh. Yelp.com xếp cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo vào danh mục quán hàng phục vụ đồ ăn nhanh Việt Nam.
15. Dựa trên những thông tin này, CDTFA xác định rằng cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo chủ yếu là một quán hàng phục vụ đồ ăn nhanh kèm một góc nhỏ bán hàng tạp hóa. CDTFA xác định thêm rằng 90 phần trăm trong tổng số các sản phẩm thực phẩm do bên kháng cáo bán thuộc diện mặt hàng chịu thuế vì bên kháng cáo bố trí bàn ăn để khách dùng ngay tại cơ sở kinh doanh hoặc những sản phẩm bán ra là thực phẩm dùng nóng đã qua chế biến; và 10 phần trăm còn lại là sản phẩm thực phẩm được miễn thuế và/hoặc không thích hợp dùng tại chỗ (tức là mì gói, xôi tằm ướp và nước xôi, đường, v.v.). CDTFA cũng kết luận rằng cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo thỏa mãn “quy tắc 80-80” (được mô tả phía dưới), vì vậy, tất cả các khoản doanh số của bên kháng cáo từ thực phẩm thích hợp dùng tại chỗ đều thuộc diện chịu thuế, đồng thời khẳng định tính xác đáng của việc không tiến hành khấu trừ đối với doanh số từ các mặt hàng trong thực đơn của nhà hàng dưới dạng thực phẩm nguội “mang đi”. Theo đó, CDTFA bác bỏ 90 phần trăm, tức \$212,845 trong tổng tiền khấu trừ là \$236,494 mà bên kháng cáo kê khai đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế trong kỳ kiểm toán đó.⁸
16. Sau đó, CDTFA sử dụng phương pháp kiểm toán dựa trên tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán để phân tích xem doanh số theo báo cáo của bên kháng cáo có chính xác hay không.
17. CDTFA nhận thấy rằng doanh thu gộp do bên kháng cáo báo cáo trên FITR khớp với tổng doanh số do bên kháng cáo báo cáo trong tờ khai thuế tiêu thụ và thuế sử dụng của

⁸ Tổng tiền khấu trừ bị bác bỏ tương đương \$212,845 được phân bổ cho những khoảng thời gian sau trong kỳ kiểm toán: \$19,441 cho 4Q16; \$77,637 cho năm 2017; \$69,977 cho năm 2018; và \$45,790 cho ba quý đầu tiên của năm 2019.

bên kháng cáo. CDTFA đã khấu bớt 2 phần trăm giá vốn hàng bán mà bên kháng cáo đã kê khai trên FITR đối với mặt hàng tự tiêu dùng và 1 phần trăm đối với mặt hàng bị hư hao. Sau đó, CDTFA lấy cả doanh thu gộp theo báo cáo của bên kháng cáo trên FITR và giá vốn hàng bán được điều chỉnh để tính ra tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách, theo đó kết quả thu được là 88.74 phần trăm cho năm 2016; 161.58 phần trăm cho năm 2017; và 183.62 phần trăm cho năm 2018.⁹

18. CDTFA nhận thấy rằng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách cho năm 2016 và 2017 thấp hơn so với dự kiến nhưng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán cho năm 2018 là hợp lý. Để đi đến kết luận này, CDTFA đã đối chiếu với các cuộc kiểm toán gần đây được tiến hành tại ba quán hàng mà CDTFA đã tính ra giá trị trung bình của tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 188.35 phần trăm: (a) một quán hàng châu Á ở Garden Grove với tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 188.37 phần trăm; (b) một quán hàng châu Á ở Westminster với tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 193.12 phần trăm; và (c) một quán hàng Thái Lan ở Orange với tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 183.56 phần trăm. Cả ba quán hàng này đều nằm trong bán kính 23 dặm tính từ cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo.
19. Để tính toán doanh số chịu thuế được kiểm toán trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán, CDTFA đã khấu bớt thêm khoảng 10 phần trăm giá vốn hàng bán được điều chỉnh đối với chi phí bán thực phẩm được miễn thuế của bên kháng cáo. Sau đó, CDTFA đã cộng thêm tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 183.62 phần trăm (lấy từ hồ sơ riêng của bên kháng cáo cho năm 2018) vào giá vốn hàng bán (đã điều chỉnh cho doanh số từ thực phẩm được miễn thuế) để tính ra doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$190,720 cho năm 2016; \$133,946 cho năm 2017 và \$122,523 cho năm 2018.
20. Đối với năm 2016 và 2017, CDTFA đã lấy doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$190,720 trừ đi doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$55,685 và lấy doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$133,946 trừ đi doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$50,997 để tính ra số tiền kê khai thiếu được kiểm toán đối với doanh số chịu thuế theo báo cáo lần lượt là

⁹ “Lợi nhuận” là số tiền cộng thêm vào chi phí hàng hóa để ấn định giá bán lẻ. Ví dụ: nếu nhà bán lẻ chịu chi phí \$0.70 và tính giá \$1.00 cho khách hàng, lợi nhuận thu được là \$0.30. Công thức để xác định tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là lợi nhuận ÷ chi phí. Trong ví dụ này, tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 42.86 phần trăm ($0.30 \div 0.70 = 0.42857$). “Tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách” (đôi khi còn được gọi là “tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán thu được”) là kết quả tính toán được dựa trên hồ sơ của nhà bán lẻ.

\$135,035 và \$82,949. Sau đó, CDTFA đã lấy kết quả tính được bên trên là \$135,035 và \$82,949 lần lượt trừ đi số tiền được kiểm toán đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ là \$76,805 và \$77,637 cho năm 2016 và 2017, từ đó tính ra doanh thu chịu thuế chưa báo cáo trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán lần lượt là \$58,230 và \$5,312. Nói cách khác, trong năm 2016 và năm 2017, tổng số tiền kê khai thiếu đối với doanh số chịu thuế theo báo cáo (lần lượt là \$135,035 và \$82,949) biểu thị sự chênh lệch giữa doanh số chịu thuế được kiểm toán và doanh số chịu thuế theo báo cáo. Tuy nhiên, sau đó, CDTFA tách riêng những khoản chênh lệch này, trong đó một bên là doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ (lần lượt là \$76,805 và \$77,637) và một bên là doanh số chịu thuế chưa báo cáo được chứng minh trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán (lần lượt là \$58,230 và \$5,312).

21. Áp dụng cách tính tương tự cho năm 2018 (doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$122,523 trừ đi doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$58,384) thu được kết quả kê khai thiếu là \$64,139, tức chênh lệch \$5,838 (thấp hơn) so với số tiền được kiểm toán đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ là \$69,977. Tuy nhiên, vì CDTFA thừa nhận doanh thu theo báo cáo của bên kháng cáo cho năm 2018 là hợp lý (dựa trên tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán ở mức 183.62 phần trăm cho năm đó), CDTFA không giảm số tiền kê khai thiếu được kiểm toán từ \$69,977 xuống \$64,139. Thay vào đó, CDTFA coi doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ tương đương \$69,977 là toàn bộ số tiền kê khai thiếu được kiểm toán đối với doanh số chịu thuế theo báo cáo cho năm 2018.
22. Trong kỳ kiểm toán, tổng số tiền kê khai thiếu được kiểm toán đối với doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$232,714, trong đó bao gồm doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ là \$212,845¹⁰ và doanh số chịu thuế chưa báo cáo là \$19,869 được chứng minh trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán.¹¹
23. Ngày 1 tháng 7 năm 2020, CDTFA đã ban hành NOD cho bên kháng cáo về khoản thuế tương đương \$18,121 cộng với tiền lãi.

¹⁰ \$212,845 chiếm 90 phần trăm của các khoản khấu trừ kê khai là \$236,494 trong kỳ kiểm toán.

¹¹ \$58,230 là doanh số chịu thuế chưa báo cáo cho năm 2016 ÷ 4 quý mỗi năm = \$14,557 là doanh số chịu thuế chưa báo cáo cho Q416 + \$5,312 là doanh số chịu thuế chưa báo cáo cho năm 2017 = \$19,869 là doanh số chịu thuế chưa báo cáo.

24. Ngày 10 tháng 7 năm 2020, bên kháng cáo kịp thời nộp đơn kiến nghị xác định lại.
25. Ngày 21 tháng 6 năm 2021, CDTFA ban hành Quyết Định từ chối đơn kiến nghị của bên kháng cáo.
26. Sau đó, bên kháng cáo đã kịp thời kháng cáo.
27. Trong lần kháng cáo này, CDTFA không thể cung cấp bản sao ghi nhận những nội dung đã được kiểm toán viên của Cục xem xét trên Google và Yelp.com để CDTFA đưa ra quyết định mà thay vào đó, CDTFA đã cung cấp những thông tin sau: tất cả các bài đánh giá trên Yelp.com về cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo bất kể thời điểm đăng những bài đánh giá đó; và các ảnh chụp cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo được đăng trên Yelp.com trong kỳ kiểm toán.

TRANH LUẬN

California áp thuế tiêu thụ đối với nhà bán lẻ, trong đó khoản thuế này được tính theo doanh thu gộp của nhà bán lẻ từ hoạt động bán lẻ tất cả các tài sản cá nhân hữu hình tại tiểu bang này trừ khi hoạt động bán hàng được miễn thuế hoặc không bị đánh thuế cụ thể theo luật định. (Các mục 6012, 6051 R&TC.) Với mục đích thi hành Luật Thuế Tiêu Thụ và Thuế Sử Dụng một cách đúng đắn và nhằm ngăn chặn hành vi trốn thuế tiêu thụ, tất cả các khoản doanh thu gộp đều được giả định là thuộc diện chịu thuế cho đến khi chúng minh được khoản doanh thu đó không phải chịu thuế. (Mục 6091 R&TC.) Nhà bán lẻ có trách nhiệm giữ gìn hồ sơ hoàn chỉnh và chính xác để chứng minh cho các khoản tiền đã báo cáo và sẵn sàng cung cấp hồ sơ để thẩm tra khi có yêu cầu từ CDTFA. (Các mục 7053, 7054 R&TC; điểm/mục 1698(b)(1) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.)

Nếu CDTFA không cảm thấy thuyết phục với số tiền thuế hoặc khoản tiền khác mà bất kỳ cá nhân nào phải nộp hoặc nếu bất kỳ cá nhân nào không hoàn thành việc khai thuế, CDTFA có thể tính toán và xác định số tiền phải nộp dựa trên cơ sở là bất kỳ thông tin nào thuộc quyền sở hữu hoặc có thể thuộc quyền sở hữu của CDTFA. (Các mục 6481, 6511 R&TC.)

Trong trường hợp kháng cáo, CDTFA có trách nhiệm tối thiểu ban đầu trong việc chứng minh quyết định của CDTFA là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận. (*Appeal of Amaya* (Kháng Cáo của Amaya), 2021-OTA-328P.) Trách nhiệm dẫn chứng đòi hỏi cung cấp bằng chứng theo tiêu chuẩn chứng cứ chiếm ưu thế. (Điểm/mục 30219(c) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Điều đó có nghĩa là một bên phải sử dụng tài liệu hoặc chứng cứ khác để chứng minh rằng các chi tiết được bên đó khẳng định có độ chính xác trên 50 phần trăm. (*Appeal of*

AMG Care Collective (Kháng Cáo của AMG Care Collective), 2020-OTA-173P.)

Nếu CDTFA hoàn thành trách nhiệm ban đầu của mình, trách nhiệm dẫn chứng sẽ chuyển qua người đóng thuế. Người đóng thuế cần chứng minh tính xác đáng của kết quả thu được khác với số tiền trong quyết định của CDTFA. (*Appeal of Amaya, nêu trên.*) Những điều khẳng định chưa được chứng minh là không đủ cơ sở để người đóng thuế hoàn thành trách nhiệm dẫn chứng. (*Tham khảo phần trích dẫn vừa nêu.*) Để hoàn thành trách nhiệm dẫn chứng, người đóng thuế phải chứng minh: (1) kết quả thẩm định thuế là không chính xác; và (2) số tiền thuế chính xác. (*Appeal of AMG Care Collective, nêu trên.*)

Vấn đề 1: Kiểm tra tính xác đáng của việc tiến hành điều chỉnh đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ.

Nhìn chung, doanh thu gộp từ hoạt động bán các sản phẩm thực phẩm dành cho người tiêu dùng được miễn thuế. (Điểm/mục 6359(a) R&TC; điểm/mục 1602(a)(1) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Thuật ngữ “sản phẩm thực phẩm” bao gồm thịt, cá, trứng, rau củ, trái cây, đường, kẹo, kẹo gôm, cà phê, trà, sữa lắc (và các loại đồ uống tương tự khác có một phần sữa hoặc đòi hỏi sử dụng sữa trong quá trình pha chế), sản phẩm bánh bỏ lò, dứa và nước xốt. (Điểm/mục 6359(b) R&TC; điểm/mục 1602(a)(1) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) “Sản phẩm thực phẩm” cũng bao gồm tất cả các loại nước ép trái cây, nước ép rau củ và các loại đồ uống khác bất kể ở dạng lỏng hay đông đá, xét cả toàn bộ các loại đồ uống có một phần nước ép trái cây hoặc nước ép rau củ và chất cô đặc, bột hoặc các chất nền khác cho các loại đồ uống đó và nước đóng chai không có ga dành cho người tiêu dùng. (Điểm/mục 1602(a)(2) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.)

Tuy nhiên, nhằm mục đích miễn thuế, “sản phẩm thực phẩm” không bao gồm nước đóng chai có ga hoặc đồ uống có ga. (Điểm/mục 1602(a)(2) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Do đó, nước và đồ uống có ga không được miễn thuế.

Thêm vào đó, doanh số từ “sản phẩm thực phẩm” không được miễn thuế và do đó thuộc diện chịu thuế trong ba trường hợp cụ thể sau: (1) khi sản phẩm thực phẩm được quán hàng hoặc cơ sở tương tự phục vụ dưới dạng bữa ăn bất kể dùng tại chỗ hay không tại chỗ (điểm/mục 6359(d)(1) R&TC; điểm/mục 1603(a)(2)(A) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California); (2) khi sản phẩm thực phẩm được bán dưới dạng thực phẩm dùng nóng đã qua chế biến (điểm/mục 6359(d)(7) R&TC; điểm/mục 1603(e) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California); và (3) khi các sản phẩm thực phẩm được cung cấp, chế biến hoặc phục vụ để

dùng tại các cơ sở do nhà bán lẻ cung cấp (điểm/mục 6359(d)(2) R&TC; điểm/mục 1603(f) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California). Như trong trường hợp này, thuế áp dụng cho doanh số từ các loại bánh mì kẹp và thực phẩm khác được bán dưới dạng thích hợp để dùng tại bàn ăn, khi ngồi trên ghế hoặc tại quầy do nhà bán lẻ cung cấp. (Điểm/mục 1603(f) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.)

Thuế cũng áp dụng cho doanh số từ các sản phẩm thực phẩm lạnh (bao gồm cả doanh số từ những mặt hàng bánh bỏ lò nóng và đồ uống nóng như cà phê với mức giá riêng) dưới dạng thích hợp để dùng tại cơ sở của bên bán bất kể các sản phẩm thực phẩm đó được bán theo đơn hàng “không dùng tại chỗ” hay “mang đi” khi bên bán thỏa mãn cả hai tiêu chí sau (còn gọi là “quy tắc 80-80” được đề cập ở trên): (a) trên 80 phần trăm doanh thu gộp của bên bán đến từ hoạt động bán sản phẩm thực phẩm; và (b) trên 80 phần trăm doanh số từ hoạt động bán lẻ sản phẩm thực phẩm của bên bán thuộc diện chịu thuế. (Điểm/mục 6359(d)(6) R&TC; điểm/mục 1603(c)(1)(A), (3) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Khi bên bán thỏa mãn các tiêu chí của quy tắc 80-80, doanh số của bên bán từ sản phẩm thực phẩm lạnh thích hợp để dùng tại cơ sở của bên bán sẽ thuộc diện chịu thuế bất kể mua sản phẩm với số lượng bao nhiêu. (Điểm/mục 1603(c)(1)(A) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.)

Đối với đơn hàng sản phẩm thực phẩm lạnh không dùng tại chỗ hoặc mang đi mà thích hợp để dùng tại cơ sở của bên bán, bên bán thỏa mãn cả hai tiêu chí của quy tắc 80-80 có thể chọn hạch toán riêng doanh thu từ những đơn hàng này, vì vậy, doanh thu gộp từ hoạt động bán các sản phẩm thực phẩm đó được miễn thuế. (Điểm/mục 1603(c)(1)(A) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Tuy nhiên, nếu không thể đảm bảo công tác hạch toán và ghi chép tài liệu riêng biệt theo yêu cầu, quyền chọn của bên bán sẽ bị hủy bỏ. (*Tham khảo phần trích dẫn vừa nêu.*)

Thuật ngữ “thích hợp để dùng tại cơ sở của bên bán” có nghĩa là các sản phẩm thực phẩm được cung cấp ở dạng mà bên mua không đòi hỏi chế biến thêm (ví dụ như nấu chín, hâm nóng, rã đông hoặc cắt lát) và kích cỡ của sản phẩm thường có thể được một người dùng ngay. (ví dụ như một phần sữa lắc lớn, một panh kem, một panh sữa hoặc một lát bánh nướng có lớp vỏ phủ). (Điểm/mục 1603(c)(2)(A) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Sản phẩm thực phẩm lạnh (ngoại trừ sữa lắc và các sản phẩm sữa tương tự) được cung cấp trong các vật chứa có kích cỡ lớn hơn một panh được coi là ở dạng *không* thích hợp để dùng ngay. (Điểm/mục 1603(c)(2)(A)2 chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Thuật ngữ “thích hợp để

dùng tại cơ sở của bên bán” không bao gồm các sản phẩm thực phẩm lạnh chắc chắn sẽ không dùng được tại cơ sở của bên bán (ví dụ như một mâm cỗ/tiệc lạnh hoặc nguyên một con gà lạnh). (Điểm/mục 1603(c)(2)(A) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.)

Khi cùng một cá nhân thực hiện từ hai hoạt động bán thực phẩm trở lên tại cùng một địa điểm, việc điều hành tất cả các hoạt động liên quan đến thực phẩm sẽ được xem xét trong quá trình xác định doanh số từ sản phẩm thực phẩm có thỏa mãn các tiêu chí của quy tắc 80-80 không. (Điểm/mục 1603(c)(2)(B) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Ví dụ: nếu bên bán không tách biệt không gian hoạt động của cửa hàng tạp hóa và quán hàng mà chỉ sử dụng các máy tính tiền riêng, công tác điều hành cửa hàng tạp hóa này sẽ được suy xét trong quá trình xác định doanh số từ sản phẩm thực phẩm có thỏa mãn các tiêu chí của quy tắc 80-80 không. (*Tham khảo phần trích dẫn vừa nêu.*)

Trong trường hợp này, bên kháng cáo không cung cấp bất kỳ biên lai nào in ra từ máy tính tiền, phiếu bán hàng hoặc những hồ sơ khác để làm cơ sở cho CDTFA có thể xác minh khoản khấu trừ mà bên kháng cáo kê khai đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế. Theo đó, CDTFA đã xem xét các phần mô tả, ảnh chụp và bài đánh giá về cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo từ các nguồn trực tuyến như Goole và Yelp.com để kết luận rằng bên kháng cáo điều hành cơ sở kinh doanh theo mô hình quán hàng phục vụ đồ ăn nhanh (kèm một góc nhỏ bán hàng tạp hóa) thỏa mãn quy tắc 80-80, vì vậy, tất cả các khoản doanh số của bên kháng cáo từ thực phẩm thích hợp để dùng tại chỗ đều thuộc diện chịu thuế. Cụ thể, CDTFA xác định rằng 90 phần trăm trong tổng số các sản phẩm thực phẩm do bên kháng cáo bán thuộc diện mặt hàng chịu thuế vì những sản phẩm bán ra là thực phẩm dùng nóng đã qua chế biến hoặc vì bên kháng cáo bố trí bàn ăn và ghế ngồi để khách dùng tại chỗ. Dựa trên kết luận này, CDTFA bác bỏ 90 phần trăm (hay \$212,845 – đã được làm tròn) của số tiền khấu trừ là \$236,494 mà bên kháng cáo kê khai đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế trong kỳ kiểm toán đó.

OTA sẽ thẩm tra liệu quyết định của CDTFA về việc đưa 90 phần trăm doanh số từ thực phẩm của bên kháng cáo vào diện chịu thuế có hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận không. Vì CDTFA đưa ra quyết định này dựa trên kết quả điều tra rằng bên kháng cáo thỏa mãn quy tắc 80-80, trước tiên, OTA sẽ thẩm tra liệu chính kết quả điều tra đó có hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận không. Nếu kết quả điều tra được ghi nhận là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận, sau đó, OTA sẽ thẩm tra cụ thể việc CDTFA bác bỏ 90 phần trăm của khoản khấu trừ mà bên kháng cáo kê

khai đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế trong kỳ kiểm toán có hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận không.

Nhằm mục đích xác định xem bên kháng cáo có thỏa mãn quy tắc 80-80 không, OTA sẽ xem xét tất cả các hoạt động liên quan đến thực phẩm do bên kháng cáo thực hiện tại địa điểm kinh doanh của mình bất kể nơi này được phân loại là quán hàng phục vụ đồ ăn nhanh, cửa hàng tạp hóa, chợ thịt gia cầm tươi hay kết hợp cả ba mô hình kinh doanh này. (Tham khảo điểm/mục 1603(c)(2)(B) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điền Các Quy Định California.)

Về tiêu chí đầu tiên của quy tắc 80-80, trong kỳ kiểm toán, trên 80 phần trăm doanh thu gộp của bên kháng cáo đến từ hoạt động bán sản phẩm thực phẩm là điều không thể tranh cãi. Hồ sơ chứng thực rằng bên kháng cáo chủ yếu bán các sản phẩm thực phẩm; duy nhất những sản phẩm do bên kháng cáo bán sau đây sẽ *không* đủ điều kiện là “sản phẩm thực phẩm”: đồ uống có ga (tức là soda và nước có ga) và một số mặt hàng gia dụng (ví dụ như chất tẩy vết bẩn trên quần áo, bình xịt làm thơm phòng và sản phẩm xà bông rửa tay đóng chai) chỉ chiếm một nửa kệ tại cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo. Dựa trên thực đơn, ảnh chụp và bài đánh giá trong hồ sơ chứng cứ, OTA nhận thấy rằng doanh số từ những mặt hàng không phải là thực phẩm này khó có khả năng đóng góp từ 20 phần trăm trở lên vào doanh thu gộp của bên kháng cáo. Do đó, kết luận của CDTFA nêu bên kháng cáo thỏa mãn tiêu chí đầu tiên của quy tắc 80-80 là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận.

Tiếp theo, về tiêu chí thứ hai của quy tắc 80-80, thực đơn của bên kháng cáo cho thấy trong kỳ kiểm toán, phần lớn các mặt hàng trong thực đơn của bên kháng cáo thuộc diện chịu thuế vì chúng thuộc ít nhất một trong ba danh mục sản phẩm thực phẩm chịu thuế: (1) sản phẩm thực phẩm được phục vụ dưới dạng bữa ăn (bao gồm danh mục “Full Course Meals” của thực đơn); (2) sản phẩm thực phẩm dùng nóng đã qua chế biến (bao gồm hầu hết các danh mục trong thực đơn, trong đó có “Vietnamese Bánh Mì”, “Entrees”, “Side Orders”, “From the Roaster” và “Catering & Party Trays”);¹² và (3) các sản phẩm thực phẩm được cung cấp, chế biến hoặc phục vụ để dùng tại bốn bàn ăn kèm theo ghế ngồi do bên kháng cáo bố trí (bao gồm hầu hết các danh mục nêu trên cùng với “Beverages” nhưng không bao gồm “Catering & Party Trays”). Chỉ các mặt hàng thuộc danh mục “Fresh Poultry From The Farm” trong thực đơn (tức là thịt gia cầm nguyên con, chân gà và trứng) sẽ không thuộc bất kỳ danh mục nào trong số ba danh mục sản

¹² Duy nhất các mặt hàng thực phẩm sau trong những danh mục thực đơn này sẽ không có khả năng đủ điều kiện là thực phẩm dùng nóng đã qua chế biến: hai loại bánh mì với nhân kẹp “rau củ”, một salad rau xanh và tất cả các mặt hàng trong danh mục “Fresh Poultry From The Farm”.

phẩm thực phẩm chịu thuế nêu trên. Thêm vào đó, các bài đánh giá và ảnh chụp trên mạng về cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo được trình bày hoặc đăng tải trong kỳ kiểm toán cho thấy khách hàng của bên kháng cáo chủ yếu mua bánh mì, món chính/bữa ăn nóng và đồ uống, doanh số bán lẻ từ tất cả những mặt hàng này đều chịu thuế như đã nêu ở phía trên. Ngược lại, các bài đánh giá trên mạng ở đầu kỳ kiểm toán chỉ đôi khi nhắc đến hoạt động bán lẻ các sản phẩm thực phẩm được miễn thuế như thịt gia cầm tươi, chân gà hoặc trứng sống, đồng thời, những mặt hàng này (chủ yếu là trứng) chỉ xuất hiện trong số ít các ảnh chụp trên mạng. Những bài đánh giá này cũng chỉ thoáng nhắc đến các sản phẩm thực phẩm được miễn thuế khác, ví dụ như nước sốt. Các bài đánh giá về sau (từ khoảng giữa năm 2017 trở đi) hoàn toàn không nhắc đến những sản phẩm thực phẩm được miễn thuế này. Theo đó, OTA nhận thấy rằng kết luận của CDTFA nêu trên 80 phần trăm doanh số từ hoạt động bán lẻ sản phẩm thực phẩm của bên kháng cáo trong kỳ kiểm toán thuộc diện chịu thuế và bên kháng cáo thỏa mãn cả hai tiêu chí của quy tắc 80-80 là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận.

Vì OTA nhận thấy rằng kết luận của CDTFA nêu bên kháng cáo thỏa mãn quy tắc 80-80 là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận, quyết định của CDTFA cũng hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận với nội dung thuế cũng được áp dụng cho doanh số từ sản phẩm thực phẩm lạnh không dùng tại chỗ và mang đi của bên kháng cáo (bao gồm cả doanh số từ các mặt hàng bánh bỏ lò nóng và đồ uống nóng như cà phê với mức giá riêng) dưới dạng thích hợp để dùng tại cơ sở của bên kháng cáo. Do đó, trong kỳ kiểm toán, doanh số của bên kháng cáo từ các mặt hàng đồ uống đá/lạnh trên thực đơn, bánh mì kẹp nhân rau củ, salad rau xanh, bánh ngàn lớp và cà phê nóng không dùng tại chỗ và mang đi sẽ bị áp thuế.

Cuối cùng, OTA chuyển sang suy xét kết luận của CDTFA nêu 90 phần trăm trong tổng số các sản phẩm thực phẩm do bên kháng cáo bán trong kỳ kiểm toán thuộc diện mặt hàng chịu thuế và 10 phần trăm còn lại không bị áp thuế. Các sản phẩm thực phẩm được miễn thuế do bên kháng cáo bán bao gồm trứng sống, đường, nước sốt, kẹo và nước không có ga. Mì gói/mì ăn liền, gia cầm sống nguyên con và chân gà chưa nấu chín thuộc nhóm sản phẩm thực phẩm không thích hợp để dùng tại cơ sở của bên kháng cáo và do đó không thuộc diện chịu thuế. Sau khi xem xét hồ sơ, bao gồm thực đơn của bên kháng cáo, ảnh chụp và bài đánh giá trên mạng về cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo trong kỳ kiểm toán (cũng như giấy tờ làm việc kiểm toán của CDTFA), OTA nhận thấy rằng ngoại trừ năm 2018, kết luận của CDTFA nêu những mặt hàng

thực phẩm được miễn thuế này đóng góp không quá 10 phần trăm tổng doanh số của bên kháng cáo trong kỳ kiểm toán là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận.

Đối với năm 2018, CDTFA bác bỏ doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai tương đương \$69,977. Tuy nhiên, OTA xét thấy rằng phép tính ra kết quả này không khớp với phép tính số tiền kê khai thiếu cho năm 2016 và 2017. Như đã lưu ý trước đó, CDTFA ước tính rằng 10 phần trăm doanh số của bên kháng cáo là doanh số được miễn thuế từ hoạt động bán sản phẩm không thích hợp để dùng tại cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo. Để lồng ghép giá trị ước tính đó vào phép tính kiểm toán, CDTFA đã giảm thêm 10 phần trăm giá vốn hàng bán được điều chỉnh cho năm 2016, 2017 và 2018. Sau đó, CDTFA sử dụng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách cho năm 2018 (183.62 phần trăm) để tính ra doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$122,523 cho năm 2018. Tuy nhiên, CDTFA tính ra tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách là 183.62 phần trăm cho năm 2018 bằng cách lấy một mức giá vốn hàng bán mà CDTFA chưa trừ đi chi phí bán hàng được miễn thuế của bên kháng cáo.

OTA kết luận rằng doanh số chịu thuế chưa báo cáo cho năm 2018 phải là \$64,139 (số tiền chênh lệch giữa doanh số chịu thuế được kiểm toán là \$122,523 và doanh số chịu thuế theo báo cáo là \$58,384) mặc dù trên thực tế, CDTFA đã tính ra doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ là \$69,977 cho năm đó bằng cách nhân doanh số được miễn thuế đã kê khai với 90 phần trăm. Để đi đến kết luận này, OTA nhận thấy rằng phép tính của CDTFA cho năm 2018 không chấp nhận 10 phần trăm doanh số của bên kháng cáo từ thực phẩm không thích hợp để dùng tại cơ sở của bên kháng cáo. Do đó, OTA xét thấy rằng số tiền kê khai thiếu được kiểm toán cho năm 2018 cần được giảm đi \$5,838 (\$69,977 - \$64,139).

Ngoài ra, OTA nhận thấy rằng CDTFA đã thực hiện trách nhiệm tối thiểu ban đầu trong việc chứng minh quyết định của CDTFA là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận, đồng thời, trách nhiệm dẫn chứng hiện được chuyển qua bên kháng cáo. Bên kháng cáo cần chứng minh tính xác đáng của việc khấu bớt thêm đối với số tiền trong quyết định của CDTFA.

Khi kháng cáo, bên kháng cáo đưa ra năm lập luận: (1) bên kháng cáo không có khả năng nộp khoản nợ thuế do điều kiện kinh tế khó khăn; (2) doanh số chịu thuế được kiểm toán của bên kháng cáo bị kê khai vượt mức vì ảnh chụp trong hồ sơ không thấy xuất hiện khách hàng nào, các bài đánh giá trên mạng do bạn bè và người thân đăng tải, đồng thời, cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo không phải là một “quán hàng” tiêu chuẩn nên thiếu sức hấp dẫn trên thị trường; (3) ước tính của CDTFA nêu 90 phần trăm tổng doanh số của bên kháng cáo từ thực phẩm dùng

nóng chịu thuế là giá trị kê khai vượt mức; (4) hồ sơ tóm tắt và doanh số theo báo cáo của bên kháng cáo là chính xác; và (5) doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai của bên kháng cáo bao gồm doanh số không chịu thuế từ hoạt động bán lại mà CDTFA đã bác bỏ nhằm. OTA sẽ lần lượt thẩm tra năm lập luận này.

Đầu tiên, về việc bên kháng cáo không có khả năng nộp khoản nợ thuế xuất phát từ quyết định của CDTFA vì điều kiện kinh tế khó khăn,¹³ điểm này không liên quan đến vấn đề có nên khấu bớt số tiền trong quyết định của CDTFA không,¹⁴ do đó, OTA sẽ không đi sâu giải quyết vấn đề trong lập luận này hoặc các kiểu lập luận tương tự.

Thứ hai, bên kháng cáo khẳng định rằng nhiều ảnh chụp cơ sở kinh doanh của ông được đăng tải trên Yelp.com không thấy xuất hiện khách hàng nào, nhiều bài đánh giá trên mạng là do bạn bè và người nhà dàn dựng rồi đăng lên để đòi lấy đồ ăn miễn phí,¹⁵ đồng thời, cơ sở kinh doanh của ông không phải là quán hàng phục vụ đồ ăn nhanh tiêu chuẩn hay quán hàng phục vụ tại bàn (hay thậm chí là cửa hàng bán thịt) nên thiếu cả sức hấp dẫn trên thị trường cũng như không thu hút được các khách hàng sẵn sàng chi tiền sử dụng dịch vụ của quán. Qua đó, có thể thấy rõ bên kháng cáo đang ngụ ý rằng khoản nợ thuế được kiểm toán đã bị kê khai vượt mức. Tuy nhiên, bên kháng cáo chưa cung cấp bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ nào liên quan đến lập luận này để có thể chứng minh tính xác đáng của việc khấu bớt số tiền trong quyết định của CDTFA, do đó, OTA nhận thấy rằng lập luận này mang tính mơ hồ và không thuyết phục.

Thứ ba, bên kháng cáo tranh luận rằng ước tính của CDTFA nêu 90 phần trăm tổng doanh số của ông từ thực phẩm dùng nóng chịu thuế là giá trị kê khai vượt mức và bị phóng đại. Tại phiên điều trần tranh luận trực tiếp, bên kháng cáo khai rằng doanh số hàng ngày từ thực phẩm dùng nóng của cơ sở kinh doanh dao động từ 20 đến 45 phần trăm tổng doanh số trong kỳ kiểm toán và bị hạn chế do lượng thịt tồn kho trong ngày hôm trước chưa bán được từ cửa hàng bán thịt của cơ sở kinh doanh. Bên kháng cáo cũng viện lý lẽ rằng ông đã quyên tặng bánh mì

¹³ Trong bản tóm tắt hồ sơ sau phiên điều trần, bên kháng cáo ám chỉ rằng ông đã nộp toàn bộ khoản nợ thuế đang được đề cập bằng thẻ tín dụng để bên mua cơ sở kinh doanh của ông có thể nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

¹⁴ Bên kháng cáo cũng tranh luận rằng ông không xóa bỏ các khoản lỗ liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình trên tờ khai thuế lợi tức vì nếu thực hiện hành động này, ông sẽ không đủ điều kiện nhận trợ cấp bảo hiểm y tế cho đối tượng có thu nhập hạn chế. Phần tranh luận này cũng không liên quan đến vấn đề có nên khấu bớt số tiền trong quyết định của CDTFA không.

¹⁵ Hồ sơ ghi nhận gần 550 bài đánh giá trong suốt nhiều năm do nhiều người đánh giá từ California và một số tiểu bang khác đăng tải. OTA xét thấy rằng một cơ sở kinh doanh sẽ không có khả năng liên tục tặng miễn phí thực phẩm cho người đánh giá trong một khoảng thời gian dài như vậy.

còn thừa và thực phẩm dùng nóng chưa bán được cho một khu nhà tạm trú dành cho người vô gia cư vì cơ sở kinh doanh tiếp đón ít khách hàng. Tuy nhiên, một lần nữa, bên kháng cáo không cung cấp được bất kỳ chứng cứ tài liệu nào chứng thực cho lời khai của mình hoặc chứng minh rằng hơn 10 phần trăm doanh số từ thực phẩm của mình đến từ các sản phẩm thực phẩm được miễn thuế.¹⁶ Chỉ riêng lời khai của bên kháng cáo không chiếm được ưu thế của chứng cứ tài liệu trong hồ sơ đi ngược lại lời khai của bên kháng cáo. Do đó, lập luận này không thuyết phục được OTA.

Thứ tư, về bảng tính Excel tổng kết doanh số hàng ngày đã được bên kháng cáo cung cấp cho CDTFA trong đợt kiểm toán, bên kháng cáo tranh luận rằng bảng tính này chính xác và ông đã báo cáo đúng tổng doanh số và doanh số chịu thuế trong kỳ kiểm toán. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, bên kháng cáo không cung cấp bất kỳ giấy tờ gốc nào có khả năng chứng minh cho lập luận của mình với lý do rằng gần đây, ông đã bỏ đi nhiều hộp đựng biên lai bán hàng hàng ngày từ kỳ kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, bên kháng cáo cũng nêu rằng ông không thể in lại những biên lai đó hoặc cung cấp báo cáo theo đợt về doanh số của mình vì cơ sở kinh doanh không có hệ thống điểm bán hàng (POS). Vì thiếu tình tiết chứng minh, OTA xét thấy rằng lập luận này không thuyết phục.

Thứ năm, bên kháng cáo khẳng định rằng ông đã bán thực phẩm chưa nấu chín không chịu thuế cho những cơ sở kinh doanh khác để bán lại và cung cấp thư từ hai cơ sở kinh doanh để làm cơ sở chứng minh. Mỗi bức thư ghi rõ doanh số ước tính từ hoạt động bán lại mỗi tháng (kết quả ước tính trong một bức thư là \$300 - \$500; trong thư còn lại ước tính là \$200 - \$400). Tuy nhiên, cả hai bức thư đều không trình bày bất kỳ thông tin chi tiết nào như ngày mua hàng; số hóa đơn bán hàng; mô tả cụ thể hoặc số lượng mặt hàng đã mua; hoặc số tiền thanh toán cho mỗi đợt mua hàng.

Như đã lưu ý trước đó, doanh số của bên kháng cáo được giả định là thuộc diện chịu thuế. (Tham khảo mục 6091 R&TC.) Vì không kịp thời lấy giấy chứng nhận bán lại từ khách hàng của mình, bên kháng cáo có trách nhiệm dẫn chứng để chứng minh rằng doanh số đang được đề cập là doanh số từ hoạt động bán lại. (Tham khảo mục 6092 R&TC; điểm/mục 1668(a) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Như trong trường hợp này, để

¹⁶ Tại phiên điều trần tranh luận trực tiếp, bên kháng cáo cũng khai rằng ông không sắp xếp bàn ăn và ghế ngồi tại cơ sở kinh doanh để khách hàng dùng bữa mà để con em của khách hàng đến mua thịt/thịt gia cầm ngồi chờ trong khi cơ sở kinh doanh đang xẻ thịt gia cầm. OTA lưu ý rằng đây có thể là lý lẽ giải trình cho việc xuất hiện vài chiếc ghế ngồi nhưng không lý giải cho việc quán hàng có bốn chiếc bàn ăn.

thực hiện trách nhiệm của mình, bên kháng cáo phải chứng minh rằng khách hàng của ông bán lại tài sản đang được đề cập hoặc giữ lại tài sản đó rồi bán lại mà khách hàng không được sử dụng trước. (Tham khảo điểm/mục 1668(e) chuẩn luật 18 Bộ Pháp Điển Các Quy Định California.) Tuy nhiên, bên kháng cáo thậm chí không xuất trình hóa đơn bán hàng để có thể xác định tài sản đang được đề cập. Do đó, OTA xác nhận tính xác đáng của việc không tiến hành điều chỉnh đối với doanh số không chịu thuế từ hoạt động bán lại đã viện dẫn tính vào doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai của bên kháng cáo.

Vì những lý do nêu trên, OTA xét thấy rằng bên kháng cáo chưa chứng minh được tính xác đáng của việc tiến hành điều chỉnh thêm đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ.

Vấn đề 2: Kiểm tra tính xác đáng của việc tiến hành điều chỉnh đối với doanh số chịu thuế chưa báo cáo.

Như đã lưu ý trước đó, đối với cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo, CDTFA tính ra tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách là 88.74 phần trăm cho năm 2016; 161.58 phần trăm cho năm 2017; và 183.62 phần trăm cho năm 2018. CDTFA coi tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán cho năm 2018 nằm trong phạm vi tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán dự kiến đối với cơ sở kinh doanh này. Thêm vào đó, CDTFA sử dụng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán từ các đợt kiểm toán ba quán nhà tương tự để tính ra giá trị trung bình của tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là 188.35 phần trăm; kết quả thu được này được coi là cơ sở để chứng minh tính hợp lý của tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán của bên kháng cáo là 183.62 phần trăm cho năm 2018. Vì tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách cho năm 2016 và 2017 thấp hơn số này, CDTFA đã quyết định xác minh doanh thu trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán.

Phương pháp kiểm toán dựa trên tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán là một phương pháp kiểm toán tồn tại từ lâu đã được chứng minh là hiệu quả và đáng tin cậy nếu có đủ thông tin làm cơ sở để xác minh tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán và chi phí hợp lý của hàng hóa bán ra phải chịu thuế. (*Appeal of Amaya, nêu trên.*) Trong trường hợp này, CDTFA dùng hồ sơ của chính bên kháng cáo làm cơ sở để tính toán cả tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán và chi phí của hàng hóa bán ra phải chịu thuế. Theo đó, OTA nhận thấy rằng quyết định của CDTFA về doanh số chịu thuế chưa báo cáo của bên kháng cáo là hợp lý và dựa trên cơ sở lý luận.

Khi kháng cáo, bên kháng cáo tranh luận về phần CDTFA mô tả ba quán hàng nêu trên là “cơ sở kinh doanh tương tự”. Bên kháng cáo khẳng định rằng cơ sở kinh doanh của mình là nơi buôn bán thu nhỏ và kinh doanh thịt gia cầm độc nhất và nghi ngờ CDTFA đã xác định cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo có mô hình kinh doanh tương tự ba quán hàng kể trên.

Trong trường hợp này, OTA lưu ý rằng CDTFA sử dụng chính hồ sơ của bên kháng cáo (FITR năm 2018) để xác minh tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán được kiểm toán là 183.62 phần trăm. Mặc dù cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo mang các yếu tố của một nơi buôn bán thu nhỏ và cửa hàng kinh doanh thịt gia cầm, dựa trên thực đơn của cơ sở kinh doanh cũng như các bức ảnh và bài đánh giá trên mạng từ kỳ kiểm toán, cơ sở kinh doanh này chủ yếu là một quán hàng. Trên thực tế, bảng thực đơn in trên giấy của bên kháng cáo từ tháng 1 năm 2017 mô tả cơ sở kinh doanh là “Vietnamese deli” và phần mô tả này được chứng thực qua hình ảnh linh vật của cơ sở kinh doanh – một chú gà trống cách điệu cầm bánh mì dài (được sử dụng trong món bánh mì kẹp của bên kháng cáo). Cơ sở kinh doanh của bên kháng cáo chủ yếu là một quán hàng được biểu thị qua một dấu hiệu khác, đó là thông điệp của thương hiệu “Come Hungry & Leave Happy” trên thực đơn, ngụ ý mời khách hàng tiếm năng dùng bữa tại các cơ sở của bên kháng cáo được bố trí bốn chiếc bàn ăn kèm với ghế ngồi. CDTFA chỉ sử dụng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán của ba cơ sở kinh doanh tương tự (tức là các quán hàng kiểu châu Á hoặc Thái Lan) để làm cơ sở chứng minh rằng tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách của bên kháng cáo cho năm 2018 là hợp lý. Vì tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán được kiểm toán là tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán theo sổ sách được phản ánh trong FITR năm 2018 của chính bên kháng cáo, OTA xét thấy bên kháng cáo chưa chứng minh được tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán được kiểm toán cao hơn thực tế.

Ngoài ra, OTA đã xem xét các phép tính tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán của CDTFA và không tìm thấy sai sót nào trong các giả định hoặc công tác tính toán, ngoại trừ việc khấu bớt \$5,838 đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ mà OTA đề xuất ở trên. Do đó, OTA xác nhận tính xác đáng của việc không tiến hành điều chỉnh đối với doanh số chịu thuế chưa báo cáo do CDTFA xác minh trên cơ sở tỷ lệ phần trăm lợi nhuận trên giá vốn hàng bán.

PHÁN QUYẾT

1. CDTFA sẽ khấu bớt \$5,838 đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ năm 2018, tức là từ \$69,977 xuống \$64,139. Bên kháng cáo chưa chứng minh được tính xác đáng của việc khấu bớt thêm.
2. Việc không tiến hành điều chỉnh đối với doanh số chịu thuế chưa báo cáo là xác đáng.

NGUYÊN TẮC DÀN XẾP

Đảo ngược một phần kết quả của quyết định của CDTFA trong việc từ chối đơn kiến nghị của bên kháng cáo. Theo phán quyết của OTA, CDTFA sẽ khấu bớt \$5,838 đối với doanh số từ thực phẩm được miễn thuế đã kê khai nhưng bị bác bỏ năm 2018, tức là từ \$69,977 xuống \$64,139. Ngoài ra, OTA chấp thuận quyết định của CDTFA.¹⁷

Andrew Wong
Thẩm Phán Luật Hành Chính

Chúng tôi nhất trí:

Keith T. Long
Thẩm Phán Luật Hành Chính

Andrew J. Kwee
Thẩm Phán Luật Hành Chính

Ngày Ban Hành: _____

¹⁷ Như đã lưu ý từ trước, bên kháng cáo khẳng định rằng ông đã nộp toàn bộ khoản nợ thuế đang được đề cập bằng thẻ tín dụng để bên mua cơ sở kinh doanh của ông có thể nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế. Kháng cáo này trình lên OTA không bao gồm yêu cầu hoàn tiền; do đó, phán quyết và nguyên tắc dàn xếp của OTA không ra lệnh hoàn tiền. Thời gian nộp đơn yêu cầu hoàn tiền thường hết hạn sau sáu tháng kể từ ngày phán quyết trở thành phán quyết chung thẩm. (Tham khảo điểm/mục 6902(a)(1) R&TC.)